TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P,** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 381/2024/ HNGĐ -ST

Ngày: 24 – 6 – 2024

V/v Ly hôn giữa
ông N và bà Luân

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tác

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Nam là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnhAn Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh An Giang *tham gia phiên tòa:* ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2024/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 289/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1963, *(có mặt).*

Nơi cư trú: Số C, tổ A, khóm P, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 091. 656. 66. 07

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị Xuân L, sinh năm 1973, *(có mặt)*.

Nơi cư trú: Số C, tổ A, khóm P, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 091. 957. 16. 46

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là ông Huỳnh Văn N trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: năm 1994 ông và bà Nguyễn Thị Xuân L tìm hiểu về

tình cảm và đồng ý kết hôn, đến năm 1998 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 15 ngày 29/9/1998. Vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 3 năm 2023 phát sinh mâu thuẫn do bà L đam mê cờ bạc, bán tài sản để chơi đánh bài tại nơi tổ chức cờ bạc (casino), anh khuyên can nhưng bà L không sửa chữa, mà nhiều lần còn chửi và đánh ông, mỗi lần vợ chồng cãi vã bà L dùng lời lẽ thô tục, khó nghe để chửi ông, từ tháng 3 năm 2023 đến nay ông ly thân bà L. Ông ở trong nhà, bà L bỏ đi, có lúc sáng đi chiều về, có lúc vài ngày mới về, bà L đi đâu làm gì thì ông không biết, hai bên không còn quan tâm và bỏ mặc nhau, ai muốn sống ra sao thì sống.

Trước khi gửi đơn ly hôn, ông có trao đổi với hai người con gái (con chung của ông và bà L) tên Huỳnh Nguyễn Lan C, Huỳnh Nguyễn Xuân M thì các con đều đề nghị ông ly hôn bà L, vì các con đều biết mâu thuẫn giữa ông và bà L. Nay, ông nhận thấy không còn tình cảm và ông yêu cầu ly hôn bà L.

+ Nuôi con chung: ông bà có 02 người con chung tên Huỳnh Nguyễn Lan C, sinh năm 1995, Huỳnh Nguyễn Xuân M, sinh năm 2004, cả hai con đều đã thành niên, chị C và chị M đang ở nhà thuê tại thành phố H, chị C chăm sóc chị M học đại học. Hiện tại ông đang nuôi hai con, ông không yêu cầu giải quyết về con chung.

+ Chia tài sản: ông và bà L tự thỏa thuận, không có yêu cầu chia tài sản.

Nợ chung: không có.

- Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Xuân L (là bị đơn) trình bày:

Bà thống nhất với trình bày trên của ông Huỳnh Văn N về thời gian kết hôn và có đăng ký kết hôn, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn không như ông N trình bày, mà mâu thuẫn do hai bên không còn phù hợp nhau về quan điểm sống, nhiều lần vợ chồng cự cãi và đánh nhau, ông N hay nói xấu bà với người thân trong gia đình. Bà không còn tình cảm với ông N. Nay, ông N yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung, có 02 người con chung tên Huỳnh Nguyễn Lan C, sinh năm 1995, Huỳnh Nguyễn Xuân M, sinh năm 2004, cả hai con đều đã thành niên đang sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, bà không có yêu cầu giải quyết về con chung.

Chia tài sản: bà và ông N có tài sản chung, bà muốn chia tài sản chung. Nếu trong vụ án này không chia thì bà sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

Nợ chung: không có.

Tại Tờ tường trình ngày 16/4/2024 và ngày 09/5/2024 của chị Huỳnh Nguyễn Lan C, Huỳnh Nguyễn Xuân M (con đẻ của ông N, bà L) trình bày, từ tháng 3/2023 ba mẹ mâu thuẫn do mẹ L cờ bạc, ba mẹ ly thân từ thời gian đó đến nay, mặc dù ba mẹ ở chung nhà, nhưng mẹ thường xuyên bỏ nhà đi, ba mẹ không quan tâm nhau, nhiều lần mẹ chửi và đánh ba, đuổi ba và các chị ra khỏi nhà. Các chị nhận thấy tình cảm ông N, bà L không còn, không thể sống chung, đề nghị Tòa án cho ông N và bà L ly hôn. Các chị có nguyện vọng sống với ông N.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, ông Huỳnh Văn N và bà Nguyễn Thị Xuân L thuận tình ly hôn, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, đề Hội đồng xét xử ghi nhận; nuôi con chung: có 02 con chung Huỳnh Nguyễn Lan C, sinh năm 1995, Huỳnh Nguyễn Xuân M, sinh năm 2004 đều đã thành niên, hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập; chia tài sản: ông N không có yêu cầu nên không đề cập, nếu bà L có yêu cầu chia tài sản thì bà được quyền khởi kiện thành vụ án khác, nợ chung không có; về án phí hôn nhân, ông N là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Huỳnh Văn N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Xuân L, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Hôn nhân của ông N và bà L là hợp pháp, vì ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét tình trạng hôn nhân của ông bà thấy rằng, ông bà có mâu thuẫn, nhiều lần vợ chồng cãi vã và đánh nhau, mặc dù ông bà sống chung nhà nhưng không quan tâm, bỏ mặc nhau, ai muốn sống ra sao thì sống. Từ lúc ông N khởi kiện ky hôn đến nay bà L cũng không hàn gắn tình cảm vợ chồng, các con là chị Huỳnh Nguyễn Lan C, Huỳnh Nguyễn Xuân M cũng nhận thấy ông bà không còn tình cảm và không thể sống chung và đề nghị Tòa án cho ông bà ly hôn. Tại phiên tòa ông N và bà L tự nguyện ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Nuôi con chung: cả 02 con chung Huỳnh Nguyễn Lan C, Huỳnh Nguyễn Xuân M đều đã thành niên. Ông N và bà L không có yêu cầu giải quyết về con chung, nên không đề cập.

[2.3] Về chia tài sản: ông N trình bày tự thỏa thuận chia tài sản với bà L, ông không có yêu cầu chia tài sản, nên không đề cập. Quá trình giải quyết bà L không có yêu cầu chia tài sản, tại phiên tòa bà L muốn chia tài sản, nếu bà L có yêu cầu chia tài sản thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác về chia tài sản sau khi ly hôn.

Nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông N và bà L trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, ông N được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí và án phí, do ông N sinh năm 1963 đã trên 60 tuổi và ông có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí và án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông Huỳnh Văn N và bà Nguyễn Thị Xuân L.

2. Nuôi con chung: cả 02 con chung Huỳnh Nguyễn Lan C, sinh năm 1995; Huỳnh Nguyễn Xuân M, sinh năm 2004 đều đã thành niên. Ông N và bà L không có yêu cầu giải quyết về con chung, nên không đề cập.

3. Về chia tài sản: đương sự tự thỏa thuận, nên không đề cập.

Nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông Huỳnh Văn N và bà Nguyễn Thị Xuân L trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Huỳnh Văn N được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí và án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS H. P;
- UBND xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp ;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Kim Phương